

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN NĂM CĂN  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 78/2022/DS-ST

Ngày: 30-09-2022

V/v tranh chấp tiền hụi

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Ngọc Đỉnh

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Phạm Kim Luyến;

Ông Vũ Xuân Chính.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Phạm Thành Công là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 160/2022/TLST-DS ngày 16 tháng 8 năm 2022 về việc tranh chấp “Tiền hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 94/2022/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 8 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 220/2022/QĐ-ST ngày 14 tháng 9 năm 2022, giữa:

Nguyên đơn: Bà Đặng Tuyết Nh, sinh năm: 1974 (xin vắng).

Bị đơn: Bà Lý Thị B, sinh năm 1981 (xin vắng).

Ông Đỗ Thành D, sinh năm 1981 (vắng mặt).

Các đương sự cùng địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 16 tháng 8 năm 2022, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Đặng Tuyết Nh trình bày yêu cầu:*

Bà Đặng Tuyết Nh là chủ hụi, vợ chồng bà Lý Thị B và ông Đỗ Thành D là hụi viên. Vợ chồng bà B tham gia 04 chân hụi của dây hụi 2.000.000 đồng, hụi có 39 chân, mở ngày 25/01/2020, loại hụi ai bỏ thăm cao thì hốt, chủ hụi có hưởng tiền cò, một tháng khai 02 lần vào ngày 10 và 25 âm lịch hàng tháng. Hụi hốt hết 04 chân vào các kỳ khai hụi của tháng 4 và tháng 5 năm

2020. Sau khi hốt hụi có đóng hụi chết, đến kỳ thứ 18 thì ngưng, tính đến mãn hụi nợ 21 kỳ là 168.000.000 đồng, sau đó có trả 13.000.000 đồng, còn nợ 155.000.000 đồng, yêu cầu vợ chồng bà B liên đới thanh toán, ngoài ra không yêu cầu gì khác.

*Tại bản tự khai ngày 05 tháng 9 năm 2022, bị đơn bà Lý Thị B trình bày ý kiến:*

Bà có thiếu bà Nh là hai trăm ngoài triệu không nhớ rõ, có trả mấy chục không nhớ nữa, nhưng hiện nay còn thiếu bà Đặng Tuyết Nh tiền hụi 155.000.000 đồng là đúng.

Đồng bị đơn ông Đỗ Thành D, Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án cho bị đơn, hết thời hạn pháp luật quy định bị đơn không có ý kiến trả lời.

*Tại phiên tòa:* Các đương sự vắng mặt nên không có ý kiến khác.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

#### **Về thủ tục tố tụng:**

Nguyên đơn bà Đặng Tuyết Nh, bị đơn bà Lý Thị B có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, yêu cầu này phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự được chấp nhận.

Nguyên đơn khởi kiện ghi đúng nơi cư trú của bị đơn ông Đỗ Thành D. Trước khi Tòa án thụ lý vụ án bị đơn đã thay đổi nơi cư trú không báo địa chỉ mới cho cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định pháp luật về cư trú làm cho người khởi kiện không biết được nhằm mục đích che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ đối với người khởi kiện do đó Tòa án thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo quy định khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự và Điều 5, Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 5 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án niêm yết công khai giấy triệu tập và quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn hợp lệ 02 lần nhưng đương sự vẫn vắng mặt, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bị đơn ông Đỗ Thành D.

#### **Về nội dung vụ án:**

[1] Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp

Bà Nh khởi kiện vợ chồng bà Lý Thị B, ông Đỗ Thành D yêu cầu thanh toán tiền hụi. Quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp tiền hụi”.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

[2.1] Bà Nh khởi kiện đòi tiềnhui 155.000.000 đồng đối với vợ chồng bà B; việc tham gia hui và có nợ hui được bà B thừa nhận, căn cứ vào khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc kiện đòi tiền hui: Bà Nh khởi kiện cho rằng vợ chồng bà Lý Thị B sau khi hốt hui không đóng hui chết bà phải trả hui, việc không đóng hui của vợ chồng bà B làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của bà Nh, nên bà khởi kiện là có cơ sở xem xét yêu cầu khởi kiện của bà Nh.

Bà Nh yêu cầu vợ chồng bà B thanh toán tiền hui còn nợ 155.000.000 đồng. Thấy rằng, tại bản tự khai ngày 05/9/2022 bà B thừa nhận còn nợ bà Nh 155.000.000 đồng tiền hui (bút lục số 40). Do đó buộc vợ chồng bà B thanh toán số tiền hui còn nợ cho bà Nh là phù hợp.

[3] Đối với ông Đỗ Thành D, Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng cho bị đơn, nhưng hết thời hạn pháp luật quy định bị đơn không phản đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Theo quy định tại Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định trách nhiệm liên đới của vợ, chồng; Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng đối với giao dịch do một bên thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình. Vì vậy, buộc ông D có trách nhiệm liên đới cùng bà B thanh toán tiền hui cho bà Nh là phù hợp.

Từ những phân tích trên có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Nh, buộc vợ chồng bà B, ông D liên đới thanh toán tiền hui 155.000.000 đồng (Một trăm năm mươi lăm triệu đồng) cho bà Nh.

Kể từ ngày bà Nh có đơn yêu cầu thi hành án, vợ chồng bà B chậm trả tiền còn phải chịu lãi suất, mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Về lãi suất: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

[4] Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu án phí có giá ngạch đối với phần yêu cầu của nguyên đơn, cụ thể số tiền án phí phải chịu là  $155.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 7.750.000 \text{ đồng}$ , buộc vợ chồng bà B chịu án phí 7.750.000 đồng.

Bà Nh không phải chịu án phí có nộp tạm ứng án phí được nhận lại toàn bộ.

Những người tham gia tố tụng có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: Khoản 1 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471 của Bộ luật dân sự; Điều 24 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hội, họ, biểu, phường; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:*

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Đặng Tuyết Nh về việc khởi kiện đòi tiền nợ hội đối với vợ chồng bà Lý Thị B, ông Đỗ Thành D.

- Buộc vợ chồng bà Lý Thị B, ông Đỗ Thành D liên đới thanh toán tiền hội cho bà Đặng Tuyết Nh 155.000.000 đồng (Một trăm năm mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày bà Nh có đơn yêu cầu thi hành án, trường hợp vợ chồng bà B chậm thanh toán tiền thì phải chịu lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian chậm trả đối với số tiền chậm thi hành án.

- **Về án phí:** Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch vợ chồng bà B phải chịu đối với phần yêu cầu của bà Nh được chấp nhận, án phí phải chịu là 7.750.000 đồng (bảy triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng).

Bà Nh không phải chịu án phí, bà có nộp tạm ứng án phí 3.875.000 đồng (ba triệu tám trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015716 ngày 16/8/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Năm Căn được nhận lại toàn bộ.

*“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự”.*

Án xử sơ thẩm, các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự.
- VKSND huyện Năm Căn;
- Chi cục THADS huyện Năm Căn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Ngọc Đính**